

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ÂM NHẠC

4.1. Ứng dụng Thang bậc nhận thức của Bloom (Bloom Taxonomy) khi xây dựng các chuẩn kết quả học tập của học sinh

Hiện nay trên thế giới, nhiều hệ thống thang bậc về quá trình nhận thức của người học qua các quá trình sư phạm đã và đang được sử dụng trong nhà trường phổ thông và đại học. Tuy nhiên, hệ thống nhận thức của Bloom được nhiều quốc gia sử dụng bởi tính khoa học cũng độ tin cậy của nó. Từ các tiêu chí về nhận thức của hệ thống này, các nhà sư phạm có thể tự xây dựng các chuẩn năng lực đầu ra và tiêu chí đánh giá năng lực

của người học qua môn học mình phụ trách. Thang này có 6 mức độ được sắp xếp từ thấp đến cao của quá trình nhận thức của người học. Có thể tóm lược như sau:

Mức độ (Level)	Hành vi của nhận thức (Cognitive behaviors)
1. Kiến thức (Knowledge)	Biết, hiểu cơ sở lập luận, thuật ngữ, khái niệm, nguyên tắc hoặc lí thuyết
2. Lĩnh hội (Comprehension)	Hiểu, giải thích, so sánh và đối chiếu, làm sáng tỏ
3. Ứng dụng (Application)	Ứng dụng kiến thức vào tình huống mới, để giải quyết vấn đề
4. Phân tích (Analysis)	Xác định được hình thái cấu trúc của sự vật, xác định các bộ phận, mối quan hệ, nguyên tắc tổ chức
5. Tổng hợp (Synthesis)	Tạo ra một vật, tổng hợp các ý tưởng nhằm đưa ra một giải pháp, đề xuất một kế hoạch hoạt động, thành lập một hệ thống phân loại mới
6. Đánh giá (Valuation)	đánh giá về chất lượng của sự vật dựa trên giá trị, điều kiện cần và đủ, logic hoặc công dụng

Dựa trên các cấp độ về quá trình nhận thức mà Bloom đưa ra, quá trình sư phạm không chỉ dừng lại việc cung cấp kiến thức, mà người học cần phải được tăng cường trải nghiệm, thực hành, để từ đó kiến thức sẽ được người học ứng dụng một cách sáng tạo và phù hợp với điều kiện thực tế của môi trường sống cụ thể nào đó.

4.2. Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt

Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc 2018 sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của HS. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, GV có thể dùng những động từ nêu dưới đây hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HS.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	Gọi được tên (hình thức biểu diễn), kể được tên (một số nhạc sĩ tiêu biểu), liệt kê được (một số loại nhạc cụ), nhắc lại được (nội dung bài hát), phát biểu được, thuộc (lời ca), nhận biết (các nốt nhạc, các kí hiệu ghi nhạc), xác định được, đọc đúng (cao độ và trường độ các nốt nhạc),...

Hiểu	Mô tả được (động tác chơi nhạc cụ), nêu được ví dụ, tóm tắt được, giải thích được (ý nghĩa của một số kí hiệu và thuật ngữ âm nhạc); so sánh được (sự khác nhau giữa các loại nhịp),...
Vận dụng	Biểu diễn được (các tiết mục âm nhạc), điều chỉnh được (giọng hát để tạo nên sự hài hoà), tổ chức được (hoạt động âm nhạc phù hợp với lứa tuổi), xếp loại được, đánh giá được (kĩ năng thể hiện âm nhạc của bản thân và người khác),...

Ngoài ra, trong tài liệu này, chúng tôi gợi ý thêm một số động từ thường sử dụng cho từng bậc của quá trình nhận thức đã được đề cập theo thang Bloom nêu trên (được dịch từ tiếng Anh dựa theo cuốn *How to write and use instructional objectives* của Norman Gronlund, 1991). Nhóm tác giả chọn dịch một số động từ phù hợp với tiếng Việt thông dụng.

- **Kiến thức (Knowledge):** trích dẫn (cite), định nghĩa (define), mô tả (describe), xác định (identify), chỉ ra (indicate), liệt kê (list), ghi nhớ (memorize), gọi tên (name), nhắc lại (recall), nhận ra (recognize), lặp lại (repeat), chọn lựa (select), gạch dưới (underline),...

- **Lĩnh hội (Comprehension):** sắp xếp (arrange), phân loại (classify), mô tả (describe), phân biệt (distinguish), cho ví dụ (give examples), tường thuật (report), xem lại (review), đề nghị (suggest), tóm lại (summarize),...

- **Ứng dụng (Application):** ứng dụng (apply), thay đổi (change), sử dụng (employ), minh họa (illustrate), tổ chức (organize), thực hành (practice), chuẩn bị (prepare), giải quyết (solve),...

- **Phân tích (Analysis):** phân tích (analyze), chia ra (break down), so sánh (compare), phân biệt (distinguish), xem xét (examine), đặt câu hỏi (question), liên hệ (relate), chọn (select), thử (test),...

- **Tổng hợp (Synthesis):** sắp xếp (arrange), phân loại (categorize), sưu tầm (collect), kết hợp (combine), tạo ra (generate), biểu diễn (perform), sắp xếp lại (rearrange), relate (liên hệ),...

- **Đánh giá (Evaluation):** đánh giá (assess), chọn lựa (choose), so sánh (compare), kết luận (conclude), đối chiếu (contrast), quyết định (decide), phân biệt (discriminate), sắp xếp (grade), xét thấy (judge), giải thích (interpret), đo lường (measure), xếp hạng (rate), tổng kết (summarize),...

Nhìn chung các động từ được giới thiệu trên có nhiều từ giống nhau nhưng được xếp vào các bước nhận thức khác nhau. Điều đó có nghĩa tuy dùng cùng một từ nhưng đặt trong mỗi bối cảnh nhận thức, động từ này đề ra những yêu cầu hoạt động cụ thể nhất định với HS trong một nhiệm vụ riêng biệt.

Do sự phát triển về ngôn ngữ khoa học của tiếng Anh, nhiều từ khi dịch sang tiếng Việt tuy có đồng âm, nhưng trong bối cảnh sử dụng thì hoàn toàn khác nhau về mặt ngữ nghĩa. Ví dụ như phân biệt (distinguish, discriminate),...

4.3. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Thời lượng: Học kì I: 2 tiết. Học kì II: 2 tiết

Mục tiêu:

- Tổng kết, đánh giá phẩm chất và năng lực của HS qua các chủ đề đã học.
- Thực hành sáng tạo bằng tổ chức biểu diễn: hát, đọc nhạc, nhạc cụ, câu chuyện âm nhạc, tăng cường năng lực sáng tạo và đoàn kết giao lưu trong hoạt động nhóm.

Hình thức, cách kiểm tra đánh giá:

- Kiểm tra kết quả học tập chủ yếu dựa trên cơ sở thực hành âm nhạc (thực hành sáng tạo, cảm thụ âm nhạc, nhận xét, đánh giá), có thể phối kết hợp với hình thức khác như trắc nghiệm qua hỏi – đáp.
- Hoạt động kiểm tra không nên tiến hành cứng nhắc mà cần có sự linh hoạt của GV; tùy điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, GV đưa ra những hình thức kiểm tra đa dạng, phong phú nhằm hướng đến sự ham mê, yêu thích, vui vẻ.

Gợi ý cách thực hiện :

Kiểm tra, đánh giá cuối mỗi học kì gồm 2 tiết (theo quy định về phần trăm thời lượng cho kiểm tra đánh giá quy định trong CTTT). Gợi ý việc tổ chức kiểm tra đánh giá theo 2 phần:

Ôn tập:

GV thực hiện ôn tập lại những vấn đề đã học cho HS theo hướng gợi mở, thể hiện được năng lực âm nhạc của HS. GV có thể thiết kế nội dung ôn tập thành các trò chơi vận động, hỏi – đáp, làm việc theo nhóm, tổ chức biểu diễn,... để tiết ôn tập trở nên sinh động và không cứng nhắc.

Kiểm tra, đánh giá năng lực âm nhạc:

– Kiểm tra, đánh giá NL âm nhạc của HS thông qua các biểu hiện về NL đặc thù theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc 2018: *thể hiện âm nhạc, cảm thụ và hiểu biết âm nhạc, ứng dụng và sáng tạo âm nhạc*. GV lựa chọn hình thức kiểm tra đánh giá năng lực phù hợp theo định hướng chung của chương trình, từ đó tổ chức và đặt những câu hỏi (tình huống, thực hành) phù hợp với năng lực nhận biết (giải quyết vấn đề) của HS lớp 6.

– GV đưa ra đánh giá, nhận xét và xếp loại cho cá nhân hoặc nhóm. *(Việc đánh giá HS theo chương trình giáo dục phổ thông mới căn cứ vào Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT Ban hành Quy định đánh giá học sinh Trung học. GV cần chú trọng đánh giá quá trình (đánh*

giá thường xuyên) học tập của HS, từ đó có những căn cứ để đánh giá tổng kết (đánh giá định kì), qua đó thấy rõ sự phát triển về mặt PC và NL của mỗi học sinh có sự khác biệt qua thời gian.)

4.4. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực trong môn Âm nhạc

4.4.1. Gợi ý phương pháp và công cụ đánh giá theo nội dung bài học

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
Đánh giá thường xuyên (Đánh giá quá trình)	Phương pháp quan sát	Bảng kiểm, ghi chép các sự kiện thường nhật
	Phương pháp vấn đáp	Câu hỏi (...)
	Phương pháp viết	Câu trả lời ngắn, bài kiểm tra,...
	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập	Bảng quan sát, thang đo, câu hỏi vấn đáp, bảng kiểm,...
	Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics), thang đo,...
Đánh giá định kì (Đánh giá tổng kết/ Đánh giá kết quả)	Phương pháp viết	Bảng kiểm tra (câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm), bài luận,...
	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập	Bảng kiểm, thang đo,...
	Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	Bảng kiểm, thang đo, phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics),...

4.4.2. Đánh giá nội dung Nghe nhạc

GV nên quan sát, đánh giá thường xuyên hơn là đánh giá định kì. Đánh giá nên ngay khi HS tham gia hoạt động nghe nhạc. Đánh giá định kì có thể thực hiện theo cặp, nhóm nhỏ để động viên các HS thiếu tự tin hoặc hạn chế về năng khiếu, kĩ năng âm nhạc. Mỗi lần đánh giá chỉ nên chọn lựa một hoặc hai nhiệm vụ dưới đây.

Các nhiệm vụ để đánh giá năng lực nghe nhạc của HS, bao gồm:

- Nghe, nêu được tên ca khúc, tác giả hay dân ca dân tộc, vùng, quốc gia nào tuy đặc trưng từng bài (chủ yếu cho nhạc có lời).
- Nghe và vận động theo nhạc.
- Nêu được đặc điểm chung về nội dung, tính chất âm nhạc.
- Nghe, ứng tác hoặc sáng tạo vận động (mức độ cao) tại chỗ.

4.4.3. Đánh giá nội dung Hát

- Thường xuyên đánh giá kĩ năng hát của HS thông qua hình thức cá nhân, cặp, nhóm nhỏ trong giờ học hát hoặc ôn tập bài hát.
- Đánh giá theo cặp, nhóm nhỏ nhằm động viên các HS thiếu tự tin, giọng hát không hay; đánh giá cá nhân để xác định mức độ tiến bộ của HS; để khuyến khích những HS có năng khiếu ca hát.
- Kết hợp đánh giá kĩ năng hát với các kĩ năng khác như: gõ đệm, vận động, múa minh hoạ, biểu diễn,...
- Khuyến khích HS tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng về kết quả học hát. Bên cạnh đó, GV có thể đánh giá HS bằng lời nhận xét hoặc biểu thị bằng các chữ cái hay bằng điểm số. Chú trọng các yếu tố tích cực, hạn chế đánh giá các yếu tố tiêu cực.
- Với một số HS kĩ năng hát chưa tốt nên đánh giá qua hình thức trình bày theo nhóm, giúp các em có sự tự tin để hoàn thành bài học.

4.4.4. Đánh giá nội dung Đọc nhạc

Đánh giá thường xuyên kĩ năng đọc nhạc của HS.

Khuyến khích HS tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng về kết quả học đọc nhạc. Bên cạnh đó, GV có thể đánh giá HS bằng lời nhận xét hoặc biểu thị bằng các chữ cái hay bằng điểm số. Chú trọng các yếu tố tích cực, hạn chế đánh giá các yếu tố tiêu cực.

Đánh giá năng lực đọc nhạc qua các hình thức sau:

- Đọc cao độ gam Đô trưởng kết hợp với kí hiệu nốt nhạc bàn tay
- Đọc lại các bài đọc nhạc đã học kết hợp gõ đệm
- Đọc bài nhạc do GV soạn

Khi đánh giá kĩ năng đọc nhạc của HS nên đánh giá từng phần:

- Cao độ
- Tiết tấu
- Kết hợp cao độ và tiết tấu
- Tính chất của bài đọc nhạc (nhịp độ, sắc thái)

Lưu ý: GV không gây căng thẳng mà nên giúp đỡ, động viên HS để các em tự tin với việc thực hiện bài đọc nhạc. Cần chú ý đến tính vừa sức của HS lớp 6 khi soạn các đề kiểm tra sao cho phù hợp, mạch lạc, ngắn gọn. GV nên sử dụng các bài đọc nhạc đã học và thay đổi một vài cao độ.

4.4.5. Đánh giá nội dung Nhạc cụ

Đánh giá năng lực nhạc cụ chủ yếu thông qua các hình thức sau:

– Gõ đệm cho bài hát bằng thanh phách song loan, trống nhỏ và các động tác body percussion theo mẫu đã học.

– Quan sát, thực hiện đúng động tác gõ thanh phách, song loan, trống nhỏ và body percussion theo mẫu được GV hướng dẫn.

– Biết lặp lại có thay đổi mẫu tiết tấu đơn giản từ những gợi ý của GV

Khi đánh giá kĩ năng đọc nhạc của HS nên đánh giá từng phần:

+ Mẫu tiết tấu nhạc cụ gõ: thanh phách, song loan, trống nhỏ;

+ Mẫu tiết tấu body percussion;

+ Kết hợp các mẫu để gõ đệm cho bài hát.

Chủ yếu phần kiểm tra là để đánh giá sự tiến bộ về việc phát triển kĩ năng chơi nhạc cụ của HS. GV nên đồng hành, giúp đỡ HS, động viên HS để các em tự tin và quen dần với việc chơi nhạc cụ, khơi gợi sự hiểu biết âm nhạc và ham thích được tham gia các hoạt động âm nhạc. Phát triển năng lực âm nhạc cho HS thông qua việc HS sáng tạo các mẫu tiết tấu. Chơi nhạc cụ cũng góp phần rèn luyện PC NL làm việc nhóm cho HS.

Cần chú ý đến tính vừa sức của HS lớp 6 khi soạn các đề kiểm tra. Các mẫu tiết tấu sử dụng để đánh giá việc học nhạc cụ của HS lớp 6 cần:

+ Mẫu gồm 2, 3, 4 phách, sử dụng hình nốt đen, móc đơn và dấu lặng.

+ Tạo cảm giác nghỉ ở những phách cuối để HS dễ dàng lặp lại mẫu.

4.4.6. Đánh giá hoạt động dạy học Thường thức âm nhạc

Đánh giá năng lực hiểu biết nhạc cụ của HS thông qua các hình thức sau:

– HS nêu được tên nhạc cụ; phân biệt được nhạc cụ đó với các nhạc cụ khác.

– HS nhận biết được nhạc cụ đó trong dàn nhạc khi đang biểu diễn (trong video clip, hình ảnh minh họa,...)

– HS nêu được tên tác giả, tác phẩm, kể được đôi nét về sự nghiệp của các nhạc sĩ,...

– Nghe và vận động theo tác phẩm hoặc gõ đệm theo nhạc bằng các hình thức biểu diễn đơn giản.

– HS nêu được tên của các nghệ nhân, nghệ sĩ nổi tiếng và trình bày được về cuộc đời, sự nghiệp của các nghệ nhân, nghệ sĩ.

– HS trình bày và thể hiện được một số hình thức hát bè đơn giản kết hợp cùng với bạn.